

Số: 561 /QĐTN

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non,
hệ vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2009, đào tạo tại
Trung tâm Giáo dục thường xuyên TP. Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/ TCCB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-BGD&ĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học”;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-HC ngày 28/07/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm “Về việc thành lập Hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp bậc cao đẳng, hệ VLVH, ngành Giáo dục mầm non, khóa thi ngày 14 tháng 08 năm 2011 tại Trung tâm GDTX thành phố Đà Nẵng”;

Căn cứ biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 01 / 9 /2011 của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cao đẳng cho 121 học viên, ngành Giáo dục mầm non, hệ vừa làm vừa học theo phương thức liên thông từ THSP lên CĐSP, khóa tuyển sinh 2009, đào tạo tại Trung tâm GDTX TP. Đà Nẵng.

(Có danh sách kèm theo)

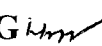
Điều 2. Cấp bằng cao đẳng Sư phạm và công nhận danh hiệu Cử nhân cao đẳng cho các học viên có tên ở điều 1.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, HCTH, Chủ nhiệm khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non và các học viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- ĐHĐN (Ban đào tạo)
- Bộ GD-ĐT (qua Ban Đào tạo)
- Lưu HCTH, ĐT

B03.QT.760.01

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 561/QĐTN ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP)

Ngành đào tạo: Bậc Cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non, hệ vừa làm vừa học, tại TT GDTX TP. Đà Nẵng

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Tr. bình	Xếp loại tốt nghiệp	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/10/87	Quảng Nam	6,87	Trung bình khá	
2	Bùi Thị Lan	Anh	20/08/83	Quảng Nam	7,66	Khá	
3	Phạm Thị Tố	Anh	07/02/86	Quảng Nam	7,00	Khá	
4	Trần Thị	Bông	06/06/87	Quảng Bình	7,40	Khá	
5	Từ Thị	Bi	28/09/80	Quảng Nam	6,60	Trung bình khá	
6	Trần Thị Thu	Biên	16/08/82	Quảng Nam	6,19	Trung bình khá	
7	Lâm Thị	Biểu	01/05/73	Quảng Nam	6,53	Trung bình khá	
8	Trương Trần Diễm	Châu	15/10/87	Đồng Nai	7,00	Khá	
9	Nguyễn Thị	Danh	18/09/88	Nghệ An	6,77	Trung bình khá	
10	Trần Thị Hoàng	Diễm	12/12/86	Đà Nẵng	6,68	Trung bình khá	
11	Lê Thị Ngọc	Diệu	06/09/84	Đà Nẵng	6,21	Trung bình khá	
12	Nguyễn Thị	Dung	23/12/88	Thanh Hóa	6,87	Trung bình khá	
13	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/10/88	QN- Đà Nẵng	7,43	Khá	
14	Trần Thị Phương	Dung	10/11/66	Thừa Thiên-Huế	7,02	Khá	
15	Công Huyền Tôn Nữ Anh	Đào	16/10/69	Pleiku	7,64	Khá	
16	Nguyễn Thị	Điểm	01/07/87	QN-Đà Nẵng	7,13	Khá	
17	Nguyễn Thị	Điệp	20/06/83	Đà Nẵng	6,45	Trung bình khá	
18	Trần Thị	Gấm	18/08/87	Đà Nẵng	6,55	Trung bình khá	
19	Mai Thị	Giang	20/08/84	Thanh Hóa	7,55	Khá	
20	Lê Thị	Hằng	27/10/88	Quảng Bình	7,09	Khá	
21	Phùng Thị Kim	Hằng	04/05/89	Quảng Nam	6,81	Trung bình khá	
22	Trần Thị Thùy	Hương	01/01/68	Đà Nẵng	7,26	Khá	
23	Lê Thị	Hà	30/09/86	Thanh Hóa	7,02	Khá	
24	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/07/86	Quảng Nam	7,66	Khá	
25	Nguyễn Thị Xuân	Hà	25/09/88	Đà Nẵng	7,38	Khá	
26	Nguyễn Thị	Hải	10/10/87	Quảng Bình	6,62	Trung bình khá	
27	Nguyễn Thị Minh	Hải	16/09/87	Đà Nẵng	7,11	Khá	
28	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	26/03/75	Đà Nẵng	7,36	Khá	
29	Bùi Thị Nguyên	Hồng	28/01/89	Quảng Ngãi	7,32	Khá	
30	Lê Thị	Hồng	02/11/81	Quảng Nam	6,87	Trung bình khá	

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Tr. bình	Xếp loại tốt nghiệp	GHI CHÚ
31	Huỳnh Thị Thu	Hường	01/08/67	Thừa Thiên-Huế	7,36	Khá	
32	Nguyễn Thị	Hiền	02/10/89	QN-Đà Nẵng	7,19	Khá	
33	Trần Thị	Hiền	11/08/84	Đà Nẵng	7,11	Khá	
34	Phạm Ngọc	Hiếu	04/12/78	Đà Nẵng	7,85	Khá	
35	Trần Thị	Hoài	02/10/87	Hà Tĩnh	6,83	Trung bình khá	
36	Nguyễn Thị	Hoàn	20/06/83	Nghệ An	6,81	Trung bình khá	
37	Hồ Thị	Huệ	23/11/88	Đà Nẵng	7,15	Khá	
38	Phan Thị Ngọc	Huyền	29/06/87	Đà Nẵng	6,74	Trung bình khá	
39	Dương Thị Mỹ	Huyện	01/11/89	Đà Nẵng	6,79	Trung bình khá	
40	Trịnh Thị	Khuyên	02/02/87	Thanh Hóa	7,47	Khá	
41	Phạm Thị	Kiều	12/03/88	Quảng Nam	7,00	Khá	
42	Nguyễn Thị	Lê	10/01/86	Nghệ An	7,74	Khá	
43	Trương Thị Phong	Lan	07/03/76	Quảng Nam	7,21	Khá	
44	Mai Thị Kim	Liên	28/12/76	Đà Nẵng	6,85	Trung bình khá	
45	Nguyễn Thị Kim	Liên	19/02/82	Đà Nẵng	7,11	Khá	
46	Hồ Thị Kiều	Linh	07/04/89	Quảng Nam	6,57	Trung bình khá	
47	Hoàng Thị Mộng	Linh	26/08/81	Quảng Nam	7,15	Khá	
48	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	01/04/84	Quảng Nam	6,72	Trung bình khá	
49	Trần Thị	Lê	30/10/85	Đà Nẵng	6,53	Trung bình khá	
50	Huỳnh Thị Kim	Loan	04/04/87	Đồng Nai	7,81	Khá	
51	Hồ Thị Thảo	Ly	20/01/88	Quảng Nam	6,57	Trung bình khá	
52	Huỳnh Thị Kim	Ly	02/12/86	Đắk Lắk	6,81	Trung bình khá	
53	Nguyễn Thị	Lý	23/09/87	Quảng Bình	6,62	Trung bình khá	
54	Trần Thị	Lý	20/12/86	Quảng Nam	6,45	Trung bình khá	
55	Đỗ Thị	Mẫn	05/12/87	Đà Nẵng	7,28	Khá	
56	Lê Thị	Ngân	06/11/88	Nghệ An	7,19	Khá	
57	Nguyễn Thị Thanh	Nga	24/05/89	Đà Nẵng	6,85	Trung bình khá	
58	Phan Thị Hồng	Nga	20/12/87	Quảng Trị	7,30	Khá	
59	Võ Thị Thúy	Nga	29/10/66	Thừa Thiên-Huế	7,26	Khá	
60	Đinh Thị Bích	Ngọc	05/06/84	Đà Nẵng	6,47	Trung bình khá	
61	Bùi Thị	Ngọc	22/09/89	Thanh Hóa	6,57	Trung bình khá	
62	Trần Thị Thu	Nguyệt	16/03/89	Đà Nẵng	7,06	Khá	
63	Lê Thị	Nhánh	05/05/86	Quảng Nam	6,66	Trung bình khá	
64	Lê Thị	Nhung	18/09/88	Thanh Hóa	7,02	Khá	
65	Nguyễn Thị	Nhung	28/11/80	Đà Nẵng	7,17	Khá	
66	Trần Thị Kim	Oanh	24/06/87	Quảng Nam	7,19	Khá	
67	Bùi Thị	Phương	10/04/87	Thanh Hóa	7,02	Khá	

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Tr. bình	Xếp loại tốt nghiệp	GHI CHÚ
68	Lưu Thị Thanh	Phương	28/12/83	Quảng Nam	6,98	Trung bình khá	
69	Nguyễn Thị	Phương	02/09/87	Thanh Hóa	6,64	Trung bình khá	
70	Lê Thị Thúy	Pha	10/11/89	Quảng Nam	6,47	Trung bình khá	
71	Đặng Thị	Phú	20/11/89	Quảng Nam	6,89	Trung bình khá	
72	Huỳnh Thị	Phúc	10/10/85	Đà Nẵng	6,55	Trung bình khá	
73	Trương Thị Kim	Quý	07/03/86	Gia Lai	7,04	Khá	
74	Bùi Nữ Hoàng	Quyên	02/02/87	Gia Lai	7,06	Khá	
75	Nguyễn Thị	Sương	14/05/88	Quảng Nam	6,79	Trung bình khá	
76	Nguyễn Thị Thu	Sương	10/04/89	Đà Nẵng	7,04	Khá	
77	Trần Thị	Sương	15/11/89	Quảng Nam	6,74	Trung bình khá	
78	Ngô Thị Như	Tâm	08/03/88	Đà Nẵng	7,06	Khá	
79	Quách Thị Thanh	Tâm	22/03/88	Quảng Nam	6,83	Trung bình khá	
80	Ngô Thị	Tương	01/05/71	Đà Nẵng	7,11	Khá	
81	Phạm Thị Phương	Thảo	20/06/88	Quảng Ngãi	7,30	Khá	
82	Nguyễn Thị	Thỏa	10/05/87	Quảng Ngãi	6,47	Trung bình khá	
83	Nguyễn Thị Thu	Thanh	20/11/88	Đà Nẵng	7,00	Khá	
84	Lê Thị	Thủy	09/01/81	Nghệ An	6,51	Trung bình khá	
85	Nguyễn Thị Thu	Thủy	01/10/74	QN-Đà Nẵng	7,13	Khá	
86	Nguyễn Thị	Tho	11/09/87	Ninh Bình	6,38	Trung bình khá	
87	Đặng Thị Kim	Thoa	18/10/88	QN-Đà Nẵng	6,66	Trung bình khá	
88	Huỳnh Thị Diễm	Thúy	14/02/79	Đà Nẵng	6,00	Trung bình khá	
89	Phạm Thị	Thu	15/11/87	Thái Bình	6,89	Trung bình khá	
90	Hoàng Thị Kim	Trâm	14/08/85	Thừa Thiên-Huế	7,57	Khá	
91	Hoàng Thị	Trà	12/10/81	Nghệ An	6,30	Trung bình khá	
92	Nguyễn Thị Mây	Trắng	11/09/85	Đà Nẵng	6,45	Trung bình khá	
93	Đặng Thị Quỳnh	Trang	01/12/81	Quảng Bình	6,66	Trung bình khá	
94	Lê Thị Thùy	Trang	22/09/85	Đà Nẵng	7,02	Khá	
95	Trần Thị Huyền	Trang	15/10/87	Quảng Bình	6,60	Trung bình khá	
96	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	01/09/86	Quảng Nam	7,19	Khá	
97	Đặng Thị	Tịnh	14/06/81	Đà Nẵng	6,77	Trung bình khá	
98	Nguyễn Thị	Tuyết	24/04/87	Hà Tĩnh	7,17	Khá	
99	Nguyễn Thị Hồng	Vân	16/09/89	Quảng Nam	7,00	Khá	
100	Tổng Thị	Vân	06/08/88	Thanh Hóa	6,34	Trung bình khá	
101	Trần Thị Hạ	Vân	19/05/72	Đà Nẵng	6,91	Trung bình khá	
102	Hồ Thị Kim	Vương	20/10/81	Quảng Nam	6,94	Trung bình khá	
103	Nguyễn Thị	Vi	20/02/88	Đà Nẵng	7,21	Khá	
104	Nguyễn Thị Tường	Vi	12/02/87	Gia Lai	6,94	Trung bình khá	

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Tr. bình	Xếp loại tốt nghiệp	GHI CHÚ
105	Trần Thị Hồng	Viên	01/10/83	Thừa Thiên-Huế	6,79	Trung bình khá	
106	Trần Thị	Xuân	10/10/86	Nghệ An	6,40	Trung bình khá	
107	Đinh Thị	Yên	08/02/88	Quảng Nam	7,06	Khá	
108	Hồ Thị	Yên	24/12/71	Thanh Hóa	7,26	Khá	
109	Phạm Thị	Anh	28/06/83	Nghệ An	6,51	Trung bình khá	TS 1925/09
110	Nguyễn Thị Anh	Đào	22/12/87	Đà Nẵng	6,43	Trung bình khá	TS 1925/09
111	Nguyễn Thị	Hà	09/01/85	Thanh Hóa	6,51	Trung bình khá	TS 2786/07
112	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/10/88	Đà Nẵng	6,19	Trung bình khá	TS 1925/09
113	Nguyễn Phương	Nhu	17/04/88	Đắk Lắk	6,32	Trung bình khá	TS 1925/09
114	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	31/07/88	Đà Nẵng	6,49	Trung bình khá	TS 1925/09
115	Nguyễn Thị Hồng	Phương	06/04/85	Quảng Nam	6,43	Trung bình khá	TS 1925/09
116	Trần Thị	Tài	01/02/88	Đà Nẵng	6,30	Trung bình khá	TS 1925/09
117	Đỗ Thị Nguyên	Thảo	02/03/87	Đà Nẵng	7,34	Khá	TS 1925/09
118	Phạm Thị Anh	Thư	05/06/83	Quảng Nam	6,77	Trung bình khá	TS 2718/08
119	Võ Thị Phương	Thúy	10/10/84	Quảng Nam	6,15	Trung bình khá	TS 1925/09
120	Nguyễn Thị Thu	Thùy	12/04/87	Quảng Nam	7,15	Khá	TS 1925/09
121	Đinh Thị Ngọc	Trần	05/03/84	Đà Nẵng	6,47	Trung bình khá	TS 483/08

Ấn định danh sách này có 121 (một trăm hai một) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:

Nam: 0 - Nữ 121

- 56 xếp loại Khá

- 65 xếp loại Trung bình khá

KT. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP *hmm*

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã trình ký 121 bằng TN
24.10.2011

hmm



TS. LƯU TRANG

Đã ký 121 bằng TN
24/10/2011

Trần Văn Minh